

Bản án số: 25/2024/HS-PT

Ngày 26-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với Trịnh Thị H và Vũ Văn H2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11, 14-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện K.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Thị H, sinh ngày 10-10-1992 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: nhân viên bảo hiểm; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân P và bà Phạm Thị M; có chồng là Bùi Mạnh T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 03-10-2020 đến ngày 01-3-2021, được tại ngoại; có mặt.

2. Vũ Văn H2, sinh ngày 12-8-1995 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C và bà Vũ Thị H3; có vợ là Huỳnh Thị C2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 10-01-2021 đến ngày 26-02-2021, được tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị H: Ông Mai Văn H4, Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Mai H - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông thuộc Đoàn Luật sư

tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: đường 03, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

(Ngoài ra còn có bị cáo không kháng cáo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị H là nhân viên bảo hiểm kiêm làm cộng tác viên của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng V N T V (gọi tắt Công ty FX), địa chỉ: tầng 11, tòa nhà R Tower, số 9 Đoàn V B, phường 1x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Phạm Thị T2 nhân viên Công ty FX. Từ năm 2019 đến cuối năm 2020, H và T2 phối hợp tìm kiếm khách hàng, tư vấn và làm hồ sơ vay vốn cho người dân địa phương có nhu cầu vay vốn của Công ty FX. Trong đó, H tìm kiếm khách hàng, T2 lập hồ sơ, làm thủ tục gửi về Công ty FX xét duyệt. Nếu hồ sơ được xét duyệt, H và T2 cùng hướng dẫn người vay làm thủ tục nhận tiền. Quá trình làm tư vấn cho khách hàng, phát hiện sơ hở trong việc làm thủ tục vay tiền và nhận tiền, nên H làm giả hồ sơ, tài liệu đồng thời thực hiện hành vi gian dối với khách hàng vay tiền và Công ty FX để chiếm đoạt tiền, tiêu xài cá nhân, cụ thể:

1. Cuối năm 2019, Trịnh Thị H đến nhà anh Đặng Tồn L tư vấn cho anh L về việc làm hồ sơ vay tại Công ty FX với số tiền 70.000.000 đồng sau đó đầu tư vào đồng tiền ảo Uribank sẽ thu lợi nhuận rất cao, mỗi tháng vừa có tiền trả tiền lãi vừa có tiền tiêu xài. Sau khi H tư vấn thì anh L đồng ý để H làm hồ sơ thử, H liên lạc với Phạm Thị T2 đến nhà anh L làm các thủ tục vay, khi T2 đến nhà anh L chụp hình toàn bộ hồ sơ Bảo hiểm nhân thọ, sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của anh L. Sau khi có được các tài liệu phục vụ việc vay tiền tại Công ty FX của anh L, T2 tự ý ký vào tất cả các thủ tục, giấy tờ làm hồ sơ vay của anh L, T2 gửi các tài liệu trên cùng thông tin của anh L đến tổng đài Công ty FX xét duyệt. Trong hồ sơ vay của anh L, H sử dụng số điện thoại 0915.329.928 (sim rác) đăng ký thông tin liên hệ của anh L, trước khi H và T2 về, H mượn chứng minh nhân dân của anh L. Trong quá trình phê duyệt hồ sơ, tổng đài của Công ty FX gọi vào số điện thoại 0915.329.928 xác minh, lúc này H giả giọng anh L đọc mã xác nhận và các thông tin cá nhân có liên quan về anh L cho tổng đài. Khoảng 02 ngày sau, tổng đài xác nhận cho T2 hồ sơ của anh L đủ điều kiện vay, T2 gọi điện cho H và gửi các mã xác nhận mà tổng đài FX cung cấp phục vụ cho việc giải ngân số tiền 70.000.000 đồng. Lúc này, H gọi điện cho anh L nói hồ sơ được Công ty FX duyệt thì anh L nói không vay và yêu cầu hủy hợp đồng. Tuy nhiên, do cần tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân, ngày 21-01-2020 H nhờ Vũ

Văn H2 đóng giả làm anh Đặng Tồn L đi nhận tiền thay anh L sau đó H cho H2 1.000.000 đồng thì H2 đồng ý. Ngày 22-01-2020, H chở H2 đi chụp 04 tấm hình 2x3cm. Sau khi có hình của H2, H tách lớp nhựa từ chứng minh nhân dân gốc của anh Lra và lấy hình của H2 dán đè lên hình của anh L mang ra khu vực chợ C ép lại chứng minh nhân dân của anh L có hình H2. Sau đó, H chở H2 đến Ngân hàng Sacombank C, khi đến ngân hàng H đưa chứng minh nhân dân của anh L có dán hình H2, cùng mã xác nhận mà T2 cung cấp cho H trước đó và điện thoại có gắn thẻ sim mà trước đó H đăng ký số tham chiếu trên hồ sơ của anh L cho H2 vào ngân hàng làm thủ tục nhận tiền. Sau khi, H2 cung cấp cho Ngân hàng Sacombank chứng minh nhân dân của anh L có dán hình H2 và mã xác nhận thì nhân viên ngân hàng giải ngân số tiền 70.000.000 đồng cho H2. Nhận được tiền, H2 đưa lại toàn bộ cho H và H cho 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 69.000.000 đồng H sử dụng đầu tư vào đồng tiền ảo thu lợi cho cá nhân. Để tránh sự phát hiện của Công ty FX và anh Đặng Tồn L biết việc H nhờ H2 rút số tiền 70.000.000 đồng thay anh L, hàng tháng H đóng tiền lãi hợp đồng vay của anh L, sau khi Công an huyện K mời làm việc, H thanh lý toàn bộ hợp đồng.

2. Cũng với thủ đoạn tương tự, khoảng đầu năm 2020 H tư vấn và cùng anh Đỗ Văn T2 nhân viên tư vấn tài chính của Công ty FX làm hồ sơ vay số tiền 70.000.000 đồng của Công ty FX cho chị Lý Mùi C, sau khi hồ sơ được duyệt thì chị C không đồng ý vay tiền nữa, yêu cầu huỷ hồ sơ, nhưng H không thực hiện huỷ mà nảy sinh ý định giả chị C rút toàn bộ số tiền trên. Ngày 13-3-2020, H sử dụng giấy chứng minh nhân của chị Lý Mùi C mượn trước đó, tách phần vỏ nhựa bên ngoài rồi lấy hình của H dán đè lên hình của chị C rồi đi ép nhựa lại và sử dụng giấy chứng minh nhân dân này đóng giả chị C đến Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đắc Lắc rút số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng của chị Lý Mùi C. Sau đó, vẫn đóng lãi và gốc đầy đủ hàng tháng, ngày 23-8-2020 sau khi bị tố giác H thanh lý hết hợp đồng của chị C.

3. Khoảng tháng 4-2020 H đến nhà gặp anh Hoàng Quốc T3 tư vấn vay tiền của Công ty FX nhưng anh T3 không đồng ý, H bảo thử làm và nói anh Đỗ Văn T2 đến làm hồ sơ vay cho anh T3 vay số tiền 70.000.000 đồng. Sau khi hồ sơ được duyệt H báo anh T3 đi nhận tiền nhưng anh T3 không đồng ý và yêu cầu huỷ hợp đồng, H nảy sinh ý định lấy số tiền của anh T3 tiêu xài cá nhân, H nói dối anh T3 đi cùng H đến ngân hàng rút tiền rồi chuyển vào tài khoản của anh T3 thì hợp đồng sẽ tự huỷ. Tin lời của H, anh T3 chở H đến Bưu điện tỉnh Đắc Lắc rút 70.000.000 đồng theo hợp đồng vay của Công ty FX và gửi vào tài khoản tại Ngân hàng Techcombank mang tên Hoàng Quốc Thế. Sau khi rút và gửi tiền xong, trên đường anh T3 chở H về thì H mượn điện thoại của anh T3 dùng ứng dụng Techcombank Mobile mà H cài sẵn trên điện thoại của anh T3

chuyển 69.469.000 đồng từ tài khoản của anh T3 vào tài khoản của H để sử dụng.

4. Vào ngày 13-7-2020, sau thời gian tư vấn, làm hồ sơ cho 02 khách hàng là các chị H B và H Đ T vay tiền và được giải ngân số tiền tổng cộng 137.000.000 đồng (chị H'B 70.000.000 đồng và chị H Đ 67.000.000 đồng). H cùng ông Y S được H thuê đi cùng để phiên dịch khi tư vấn cho người vay tiền là người dân tộc thiểu số đưa các chị H B và H Đ đến thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk rút tiền. Sau khi rút tiền, H đưa các chị H B và H Đ đến nhà hàng Bốn Mùa tư vấn cho các chị H B và H Đ đầu tư vào tiền ảo và đóng bảo hiểm nhân thọ. Do thấy số tiền đầu tư và phí bảo hiểm cao nên cả hai yêu cầu H hủy hợp đồng bằng cách trả lại tiền đã nhận cho ngân hàng. Do muốn chiếm đoạt số tiền mà các chị H B và H Đ vừa nhận, H đồng ý thanh lý hợp đồng nên nói các chị H B và H Đ về huyện K để H giúp hủy hợp đồng. Khi đến Chi nhánh Ngân hàng Agribank huyện K, H nói các chị H B và H Đ đưa cho mình số tiền 137.000.000 đồng rồi ngồi ở ngoài đợi cùng Y S, để H vào làm thủ tục. Tại quầy giao dịch, H làm thủ tục chuyển số tiền 137.000.000 đồng của các chị H B và H Đ như sau: 67.000.000 đồng chuyển cho Đinh Thị Thu Tr nhờ Tr mua tiền ảo (đồng FB) và chuyển vào tài khoản của H 70.000.000 đồng sử dụng cá nhân. Trong đó, H cho Y S mượn 35.000.000 đồng chuộc xe ô tô của Y S đã cầm cố. Để các chị H B và H Đ tin rằng mình giúp họ làm thủ tục hủy xong hợp đồng vay FX, H lấy 02 giấy nộp tiền tại Chi nhánh Ngân hàng Agribank huyện K viết các nội dung thông tin cá nhân của các chị H B và H Đ đã chuyển lại tiền cho Công ty FX, ghi ngân hàng đã “Thu đủ”, đồng thời H còn đến tiệm photocopy gần đó mượn dấu tên màu đỏ mang tên “Trần Thị Ngọc Tr” đóng vào giấy nộp tiền này ở mục giao dịch viên rồi đưa những giấy này cho các chị H B và H Đ để họ tin tưởng đã trả tiền lại cho Công ty FX.

5. Khoảng đầu tháng 9-2020, anh Trần Văn C4 trên đường về nhà thì nhặt được 01 tờ rơi của Trần Thị Phương Th nhân viên Công ty FX - mã nhân viên DSA-08060 ghi nội dung cho vay tiền nhanh, trên tờ rơi có số điện thoại của Thảo, nên anh C4 gọi cho Th hỏi vay tiền. Th hỏi “*có nợ xấu hay không?*”, C4 trả lời “*có*”, Th hỏi anh C4 tiếp “*có hợp đồng bảo hiểm nhân thọ không?*”, anh C4 nói “*không*”. Th nói không được vay nhưng hỏi địa chỉ nhà của anh C4 vào xem có vay được không. Khoảng 02 ngày sau, Th đi cùng Trịnh Thị H đến nhà anh C4 tư vấn vay tiền. Tại nhà anh C4 có anh C4 và vợ là chị Hồ Thị B2, Th tư vấn các gói vay bên Công ty FX, do anh C4 bị nợ xấu nên Th nói để chị B2 đứng tên hồ sơ vay. Khi đó H biết anh C4, chị B4 chưa có hợp đồng bảo hiểm nhân thọ (viết tắt BHNT), nên H tư vấn cho anh C4 và chị B2 mua BHNT, nếu không mua thì không được vay tiền bên Công ty FX. H nói nếu mua BHNT thì

vừa được vay tiền, vừa được hưởng quyền lợi từ BHNT như ốm đau, bệnh tật thì Công ty BHNT chỉ trả khoảng 80%, cả gia đình C4 được hưởng các quyền lợi này. H nói nếu đồng ý thì H làm gói 10.000.000 đồng cho 36 tháng; H nói mua BHNT khoảng 02-03 ngày là có hợp đồng BHNT; H giới thiệu mình là nhân viên BHNT nên anh C4 đồng ý. H sử dụng ứng dụng “Metu” trên điện thoại của H làm hợp đồng BHNT mang tên Hồ Thị B2, số hợp đồng: 62276354, ngày hợp đồng 02-01-2019, của hãng Công ty BHNT Generali. H chỉnh sửa sổ hộ khẩu, phần chủ hộ tên Trần Văn C4 thành Trần Văn Chi, để không liên quan đến nợ xấu, sau đó hồ sơ vay vốn của Công ty FX giải ngân. Khi nhận tiền tại cửa hàng Viettel huyện K; anh C4 đưa 13.000.000 đồng cho Th, trong đó 10.000.000 đồng nhờ Th đưa cho H đóng tiền BHNT mà H nói mua cho chị B2 trước đó và đưa 3.000.000 đồng tiền công cho Th và H. Sau khi nhận tiền, H cho Th 1.500.000 đồng từ số tiền 10.000.000 đồng anh C4 đưa. Khoảng 02 ngày sau, anh C4 gọi điện cho Th hỏi hợp đồng BHNT nhưng Th nói không biết nên anh C4 xin số điện thoại của H. Anh C4 gọi điện cho H hỏi hợp đồng BHNT nhưng H trả lời anh C4 phải đóng cả lãi và gốc cho khoản vay được 18 tháng và đóng thêm 5.000.000 đồng tiền BHNT nữa thì mới có hợp BHNT. Khi nghe vậy anh C4 chửi H, anh C4 nói khi tư vấn thì H tư vấn đóng tiền 10.000.000 đồng cho 36 tháng và khoảng 02-03 ngày sau khi đóng tiền BHNT mà bây giờ lại nói như vậy. Anh C4 nói nếu gia đình anh C4 bị ốm đau bệnh tật thì ai lo. H nói Công ty BHNT quy định như vậy. Ngày 08-4-2022, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Generali có công văn xác nhận không phát hành hồ sơ hợp đồng BHNT mang tên Hồ Thị B2, số hợp đồng 62276354, ngày hợp đồng 02-01-2019.

Tại bản kết luận giám định số 167/GĐTL-PC09 ngày 12-9-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ viết phần nội dung, chữ ký (*dạng chữ viết*), chữ viết mang tên Đặng Tồn L và Phạm Thị T2 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) do cùng một người viết ra.

Chữ ký (*dạng chữ viết*), chữ viết mang tên Đặng Tồn L và chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị T2 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị T2 trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 182/GĐTL-PC09 ngày 25-10-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ ký (*dạng chữ viết*), chữ viết mang tên Lý Mùi C và chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) không phải do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn T2 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lý Mùi C, chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lý Mùi C; chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Trịnh Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5 đến M20) do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn T2 trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn T2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M4) do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 250/GĐTL-PC09 ngày 20-02-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2); Chữ viết họ tên Đỗ Văn T2 dưới mục: Người chứng kiến từ VPBFC trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2); Chữ viết tên “Thế” tại đầu các tờ, chữ ký dạng viết, chữ viết mang tên Hoàng Quốc T3 dưới ô “Chữ ký 1” và ô “chữ ký 2” dưới mục: Cam kết của bên vay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ M1.1 đến 1.6) do cùng một người viết ra.

Chữ ký mang tên Đỗ Văn T2 tại mục: Người chứng kiến từ VPBFC trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký của Đỗ Văn T2 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến 1.6) do cùng một người ký, viết ra.

Chữ viết “Ngọc” tại đầu các tờ; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lương Văn Ngọc dưới ô “chữ ký 1” và dưới ô “chữ ký 2” tại trang 3/3 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A 2) do cùng một người ký, viết ra.

Chữ viết “Ngọc” tại đầu các tờ; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lương Văn Ngọc dưới ô “chữ ký 1” và dưới ô “chữ ký 2” dưới mục: Cam kết của bên vay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Đỗ Văn T2 trên tài liệu so sánh (ký hiệu M1.1 đến 1.6) không do cùng một người viết ra.

Chữ viết “Ngọc” tại đầu các tờ; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lương Văn Ngọc dưới ô “chữ ký 1” và dưới ô “chữ ký 2” dưới mục: Cam kết của bên vay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Trịnh Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2.1 đến M2.4) không do cùng một người viết ra.

Chữ viết “Ngọc” tại đầu các tờ; chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Lương Văn Ngọc dưới ô “chữ ký 1” và dưới ô “chữ ký 2” dưới mục: Cam kết của bên vay trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết của Lương Văn Ngọc trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4.2) do tài liệu mẫu so sánh không phải là chữ ký trực tiếp nên không tiến hành giám định.

Tại bản kết luận giám định số 251/GĐTL-PC09 ngày 26-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu A1) được phô tô ra từ giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu M1) (ảnh trên bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu A1) không phải phô tô ra từ ảnh trên Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu M1).

Bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu A2) được phô tô ra từ giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu M2) (ảnh trên bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu A2) không phải phô tô ra từ ảnh trên Giấy chứng minh nhân dân (ký hiệu M2).

Tại bản kết luận giám định số 260/GĐTL-KTHS ngày 03-10-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ ký dưới mục “thủ quỹ”, “Giao dịch viên”, “kiểm soát” so với chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A 4) và chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M3.4) khác dạng nên không tiến hành giám định.

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) (trừ chữ số “13/7/20” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết mang tên Trịnh Thị H dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết mang tên Y Sêr dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) có là phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết mang tên H B D dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết mang tên H Đ T dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A4) (trừ số “13/7/20” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) và chữ ký, chữ viết mang tên Trịnh Thị H dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M3.4) là do cùng một người ký, viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Y S dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký và chữ viết của

Trịnh Thị H trên mẫu so sánh (hiệu M1.1 đến M3.4) có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Chữ ký, chữ viết mang tên HB dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M3.4) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên H Đ T dưới mục: Khách hàng trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M3.4) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Hình dấu tên có nội dung “Trần Thị Ngọc Trúc” dưới mục: Giao dịch viên trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với hình dấu tên “Trần Thị Ngọc Trúc” trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M7) do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản kết luận giám định số 305/GĐTL-KTHS ngày 30-11-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) do cùng 1 người viết ra.

Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ viết của Trịnh Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1.1 đến M1.3) do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Trịnh Thị H dưới mục “ký tên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) và dưới phần nội dung tại mặt thứ nhất tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị H trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1.1 đến M1.3) do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Quốc T3 dưới mục “ký tên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Quốc T3 trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M2.1 đến M2.3) do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký mang tên Y S dưới mục “Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết họ tên của Y S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3.1 đến M3.4) khác dạng nên không tiến hành giám định.

Chữ ký mang tên Y S dưới mục “Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết họ tên của Y S trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3.1 đến M3.4) do cùng một người viết ra.

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11, 14-9-2023 của Toà án nhân dân huyện K đã quyết định: Tuyên bố Trịnh Thị H và Vũ Văn H2 phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*” và “*Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Thị H 09 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 340; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Thị H 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Trịnh Thị H phải chấp hành hình phạt chung là 12 năm tù.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn H2 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 340; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn H2 09 tháng tù về tội “*Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc Vũ Văn H2 phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 03 tháng tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với Phạm Thị Thu, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 25-9-2023, Vũ Văn H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 26-9-2023, Trịnh Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*” và “*Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức*”, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Vũ Văn H2 thừa nhận Tòa án nhân dân huyện K xử phạt bị cáo về tội “*Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức*” và không thừa nhận về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và khoản 1 Điều 340 của Bộ luật Hình sự và giữ nguyên kháng cáo. Trịnh Thị H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Đối với Trịnh Thị H, cho rằng đã tất toán hết trước khi bị phát hiện. Quá trình điều tra đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người bị hại, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ được thu thập được có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H thừa nhận muốn chiếm đoạt tiền của các hộ yêu cầu hủy hợp đồng vay, yêu cầu thanh lý sử dụng cho cá nhân, nên đã thực hiện hành vi để qua mặt nhân viên của công ty FX, rút tiền trong hồ sơ vay của anh Đặng Tồn L và chị Lý Mùi C; chiếm đoạt tiền của anh T3, H D, H B, chị B. Trên thực tế công ty vẫn cho rằng đang thực hiện hợp đồng với những bị hại này mà không hề biết bị cáo H đã thực hiện hành vi gian dối, sử dụng số tiền này ngoài ý chí, mong muốn của những người vay. Khi bị phát hiện, điều tra bắt tạm giam sau đó được bảo lãnh tại ngoại thì bị cáo mới tất toán hết các khoản vay. Việc tất toán này là bị cáo thực hiện khắc phục hậu quả. Mặc

dù các bị hại không thiệt hại nhưng do bị phát hiện, khởi tố bị cáo mới khắc phục hậu quả. Thời điểm hành vi phạm tội của bị cáo hoàn thành từ khi bị cáo chiếm đoạt được số tiền trên của các bị hại.

Đối với bị cáo Vũ Văn H2: bị cáo cho rằng mình không đồng phạm với bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên khi được bị cáo H nhờ đi rút tiền hồ sơ vay của anh Đặng Tồn L, được H cho biết anh L muốn hủy hợp đồng, không vay nữa. Bị cáo biết hành vi của mình vi phạm nhưng vì lợi ích H hứa cho nên đã cùng H thực hiện hành vi phạm tội

Do đó, việc cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử bị cáo H, bị cáo H2 là hoàn toàn có căn cứ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điểm Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị H trình bày: Việc cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ việc Trịnh Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty FX nêu trên là không đảm bảo tính khách quan. Áp dụng khung hình phạt đối với Trịnh Thị H 12 năm tù là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá chứng cứ thấu đáo đảm bảo tính khách quan, tuyên hủy toàn bộ bản án số 36/2023/HS - ST ngày 11, 14/9/2023 của Tòa án Nhân dân huyện K, giao trả hồ sơ cho cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm thực hiện việc điều tra lại vụ án, xử lý theo thẩm quyền, đúng quy định pháp luật không để xảy ra oan sai.

Trịnh Thị H đồng ý luận cứ bào chữa của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Vũ Văn H2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của Vũ Văn H2, Trịnh Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung của việc bị cáo Trịnh Thị H trả tiền lãi và gốc cho Công ty FX có đúng nội dung đã thỏa thuận theo hợp đồng không. Nếu vi phạm hợp đồng Công ty FX có ý kiến như thế nào. H vi phạm hợp đồng từ thời gian nào đối với hai hợp đồng vay của Đặng Tồn L và Lý Mùi C; làm rõ mục đích chiếm đoạt của bị cáo H từ đó mới xác định tội danh của H, H2 và T2. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

Xét luận cứ bào chữa của người bào chữa phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, huỷ bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11, 14-9-2023 của Toà án nhân dân huyện K, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện K để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Nông;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- CQCSĐT Công an huyện K;
- CQTHAHS Công an huyện K;
- Các bị cáo và người bào chữa;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Vinh